

Số: 4257/TCT

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2025

V/v thúc đẩy triển khai các nhiệm vụ của
Nghị quyết số 214 và Đề án 06 trong thời gian tới

Kính gửi:

- Đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Chủ tịch UBND các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương.

UBND TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 2920
ĐẾN Ngày: 24/9

Chuyển:.....

Số và ký hiệu HS:.....

Thời gian qua, bám sát và triển khai có hiệu quả các kế hoạch, nghị quyết của Trung ương, nhiều bộ, ngành, địa phương đã nỗ lực và đạt được một số kết quả nổi bật: đã hình thành một số cơ sở dữ liệu, mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, từng bước nâng cao chất lượng phục vụ. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều nhiệm vụ chậm tiến độ, có nhiệm vụ đã được đôn đốc nhiều lần nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu; nhiều cơ sở dữ liệu còn dở dang, chưa bảo đảm tiêu chí “*đúng, đủ, sạch, sống*”; việc cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính vẫn chưa đạt yêu cầu, còn gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp, cụ thể như sau:

I. VỀ THỰC TRẠNG XÂY DỰNG CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU

1. Theo Kế hoạch số 02-KH/TW của Ban chỉ đạo Trung ương, phải hoàn thành xây dựng 11 CSDL quốc gia trọng yếu và 01 CSDL của Toà án, đến nay đã xây dựng **04/12 CSDL (hộ tịch điện tử, đất đai, tài chính, hoá chất) chiếm 33,3%**; tuy nhiên đều chưa đảm bảo “*đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung*”. Còn **08/12 CSDL** cần phải được xây dựng, hoàn thành trong năm 2025 thuộc trách nhiệm của các bộ, ngành: Xây dựng, Thanh tra Chính phủ, Tư pháp, Toà án Nhân dân tối cao, Nông nghiệp và Môi trường, Y tế, Giáo dục và Đào tạo.

2. Theo Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ, phải hoàn thành xây dựng **105 CSDL** trong năm 2025. Đến nay các bộ, ngành chỉ dự kiến có thể hoàn thành được **54 CSDL, chiếm 51%** (Cơ quan thường trực (C06, Bộ Công an) đã lập biên bản để thống nhất với từng Cục nghiệp vụ của các bộ ngành).

3. Cơ quan thường trực đã xây dựng kế hoạch mẫu để triển khai và nhận diện **34 điểm nghẽn** cho các bộ, ngành, **50 điểm nghẽn** cho địa phương, qua quá trình khảo sát, đã nhận diện thêm các điểm nghẽn như sau:

3.1. Về nhận thức

(1) Các bộ ngành chưa xác định được đâu là **dữ liệu chủ, dữ liệu gốc**, cách thức liên thông và chia sẻ dữ liệu. **Nguy cơ: xây dựng chồng chéo, không thống nhất, không có tính liên thông, kế thừa, gây lãng phí; không thể xây dựng được Chiến lược dữ liệu và từ điển dữ liệu dùng chung.**

(2) Nhận thức **dữ liệu phải phát sinh từ nghiệp vụ**: Các bộ, ngành chưa có quy định về quy trình điện tử, mới nhận thức được tạo lập dữ liệu bằng việc nhập liệu, số hoá. *Nguy cơ: dữ liệu không được tạo lập từ quy trình nghiệp vụ, không đáp ứng “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.*

(3) **Nhận thức về số hoá dữ liệu** chưa đầy đủ. Dữ liệu trước số hoá chưa được phân loại theo loại hình, độ mật, giá trị sử dụng...; dữ liệu sau khi số hoá không được gắn vào các quy trình điện tử, để thực hiện các yêu cầu nghiệp vụ. *Nguy cơ: Số hoá vừa thừa vừa thiếu, gây lãng phí, dữ liệu không được khai thác, phát triển, tái sử dụng, gây lãng phí, mất an ninh an toàn bảo mật.*

(4) Các bộ, ngành chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng các nền tảng, phần mềm dùng chung xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương. *Nguy cơ: các đơn vị, địa phương mua sắm, xây dựng chồng chéo, gây lãng phí; dữ liệu tạo ra không đồng nhất về chất lượng, định dạng, không thể chia sẻ và khai thác trong toàn bộ hệ thống chính trị.*

(5) **Đối với các doanh nghiệp đồng hành**: Mặc dù các đồng chí Tổng Giám đốc/Chủ tịch đã ký cam kết đồng hành, nhưng sau 2 tháng triển khai, nhân sự tham gia khảo sát, tư vấn chưa đáp ứng về số lượng và chất lượng chuyên môn; thông tin chưa được chia sẻ kịp thời, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công việc.

2. Về pháp lý

(1) Hành lang pháp lý chưa hoàn thiện

- Các đơn vị chưa chủ động xây dựng, ban hành các văn bản theo thẩm quyền về trách nhiệm tạo lập, cập nhật, khai thác, kết nối, chia sẻ dữ liệu, đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, đồng bộ về Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

- Chưa có chiến lược chuyển đổi số, chiến lược dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương. Một số bộ, ngành đã ban hành chiến lược, danh mục dữ liệu, nhưng chưa cá thể hoá chi tiết cho các đơn vị, địa phương để áp dụng thống nhất, dẫn đến không xác định được mục tiêu, phạm vi, lộ trình triển khai cụ thể.

(2) **Đã ban hành các quy định, chính sách nhưng chưa có hướng dẫn chi tiết thi hành**. Ví dụ như các bộ, ngành chưa có hướng dẫn, quy định chi tiết về cắt giảm TTHC (*tuân thủ theo Nghị định 69, Luật Giao dịch điện tử*), dẫn đến cán bộ các cấp vẫn yêu cầu người dân phải cung cấp hồ sơ giấy khi giải quyết TTHC.

(3) **Đã ban hành quy định, chính sách và có hướng dẫn chi tiết**, nhưng các bộ, ngành, địa phương **không bám sát** để áp dụng. Ví dụ như đã có Nghị quyết 193 hướng dẫn về cơ chế tài chính, nguồn vốn, đấu thầu, hợp tác công tư, nhưng các bộ, ngành, địa phương không đăng ký kinh phí để xây dựng các CSDL.

4. Về thủ tục hành chính

(1) **Tình trạng địa phương hoá TTHC**: TTHC gốc do bộ, ngành Trung ương ban hành, nhưng khi triển khai tại địa phương thì được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với đặc thù, điều kiện thực tiễn tại địa phương¹: **5.801** thủ tục hành chính

¹ Ví dụ: Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu, được Bộ Khoa học công nghệ ban hành cho UBND cấp Tỉnh thực hiện, quy định 03 hình thức nộp (trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính). Tuy nhiên, về địa phương có khác biệt về hình thức nộp và cơ quan thực

được Trung ương ban hành đã được địa phương hóa thành **72.717** thủ tục. **Nguyên cơ:** Không thống nhất giữa các địa phương, khó khăn cho doanh nghiệp và người dân khi làm thủ tục ở nhiều tỉnh khác nhau; khó khăn cho việc tạo lập, tích hợp, chuẩn hóa dữ liệu, không đảm bảo tính kịp thời (do cần số hoá hồ sơ hoặc xây dựng phần mềm); không đáp ứng mô hình triển khai theo chỉ đạo tại Thông báo kết luận số 39 của BCĐTW giao các bộ, ngành xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng đảm bảo dùng chung, vận hành xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương.

(2) Qua rà soát **946 TTHC** có thành phần hồ sơ có thể thay thế bằng dữ liệu nhưng các bộ, ngành chưa thực hiện đánh giá để cắt giảm thành phần hồ sơ tương ứng.

(3) Việc số hoá kết quả giải quyết TTHC của bộ ngành, địa phương chưa đáp ứng tiến độ của Kế hoạch 02-KH/TW (ngày 01/7/2025), Nghị quyết 214/NQ-CP.

5. Về Hạ tầng và bảo mật

5.1. Về hạ tầng Công nghệ thông tin của các bộ ngành: Chưa có kiến trúc tổng thể, tập trung, thống nhất; chưa có nền tảng dùng chung và dữ liệu tập trung, dẫn tới đầu tư trùng lặp lãng phí. Trang thiết bị lạc hậu, không đồng bộ, không có khả năng nâng cấp, chưa đăng ký, phân bổ kinh phí phù hợp để vận hành, ảnh hưởng lớn đến khả năng vận hành các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành, cũng như khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu trong toàn bộ hệ thống chính trị (điển hình như Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

5.2. Về hạ tầng trung tâm IOC: Đang triển khai tại 30/34 địa phương (tự đầu tư: 16 địa phương; thuê dịch vụ của doanh nghiệp: 14 địa phương). Còn 04 địa phương (Thái Nguyên, An Giang, Cao Bằng, Quảng Trị) chưa triển khai.

Nguồn dữ liệu cung cấp của các IOC vẫn là hệ thống Camera giám sát, hệ thống quản lý văn bản; chỉ có 16/30 IOC (chiếm 53%) đã triển khai kết nối tới các Hệ thống thông tin của sở, ngành để xác định được các lĩnh vực dữ liệu.

5.3. Về an ninh an toàn, bảo mật, qua triển khai công tác bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu quá trình chuyển đổi số, phát hiện nhiều vấn đề rất đáng lo ngại:

- Năm 2024 - 2025, Việt Nam chứng kiến gia tăng cả về số lượng, tần suất, mức độ tinh vi và quy mô của các sự cố có khả năng gây thiệt hại lớn cho người dân và tổ chức (bao gồm rò rỉ dữ liệu cá nhân quy mô lớn, tấn công mã độc, lừa đảo).

- Một số bộ, ngành có hệ thống được phê duyệt cấp độ 3, qua rà soát còn thiếu thiết bị, giải pháp bảo mật (Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Thanh tra Chính phủ).

- Nhận thức về an ninh bảo mật của các đơn vị, người dùng mới dừng ở mức bảo mật hệ thống, **chưa nhận thức được tầm quan trọng của bảo mật dữ liệu.** Công tác đào tạo, tập huấn an ninh bảo mật cho cán bộ, công chức trên nền tảng **Bình dân học vụ số** chưa được các đơn vị quan tâm; dẫn đến có hệ thống đã đáp ứng cấp độ 3, nhưng vẫn dễ xảy ra lộ lọt dữ liệu (như sự cố với hệ thống thông tin tín dụng của Ngân hàng nhà nước).

- Hạ tầng công nghệ thông tin đầu tư thiếu đồng bộ, phần cứng và trang thiết bị đầu cuối còn phụ thuộc nước ngoài, dẫn tới nguy cơ lộ lọt dữ liệu; công nghệ kiểm soát dữ liệu, giám sát ẩn danh còn sơ sài; nguồn nhân lực chuyên môn về khoa học dữ liệu, an ninh mạng còn chưa đồng đều; việc thực hiện các quy chế, quy trình bảo vệ an ninh mạng chưa được quan tâm; chưa áp dụng các giải pháp kiểm soát thiết bị đầu cuối, giải pháp xác thực người dùng truy cập vào hệ thống; chưa có cơ chế kiểm tra giám sát việc sử dụng dữ liệu sai mục đích, sai thẩm quyền (*tra cứu dữ liệu dân cư không phục vụ giải quyết thủ tục hành chính*). Hệ thống quản lý, khai thác, lưu trữ và xử lý dữ liệu người dùng của tổ chức, doanh nghiệp còn nhiều kẽ hở, dẫn đến rò rỉ dữ liệu; chưa kịp thời nâng cấp công nghệ bảo mật (mã hoá, xác thực đa yếu tố, giám sát truy cập, phòng chống tấn công mạng...), thậm chí một số nhân viên lợi dụng thu thập, bán dữ liệu cho bên thứ 3.

6. Về kinh phí

(1) Các bộ, ngành chưa quan tâm chỉ đạo việc lập dự toán trên cơ sở nhiệm vụ được giao, chưa xác định được kinh phí cho việc hình thành nền tảng và số hóa, tạo lập dữ liệu. Mới có **06 bộ, ngành** (*Xây dựng; Toà án nhân dân tối cao; Tư pháp; Nội vụ; Dân tộc và Tôn giáo; Tài chính*) đăng ký **2.422 tỷ** để xây dựng các cơ sở dữ liệu. Các doanh nghiệp đồng hành đề xuất bổ sung là: **742 tỷ** cho 03 bộ, ngành (*Y tế, Thanh tra Chính phủ, Tài chính*).

(2) Các địa phương chưa lập dự toán kinh phí số hóa, tạo lập và cập nhật CSDL trên nền tảng của các bộ, ngành và thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số. Theo thống kê của Bộ Khoa học và Công nghệ, tính đến ngày 09/9/2025, có **29 địa phương** đăng ký **5,1 nghìn tỷ** để triển khai thực hiện các nhiệm vụ. Còn 05 địa phương chưa đăng ký gồm: Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hà Nội, Đồng Nai.

(3) Tính tới ngày 19/9/2025, các bộ, ngành **chưa ký hợp đồng** với đơn vị tư vấn để lập dự án theo quy định của pháp luật.

II. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 06

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chưa gửi báo cáo kết quả giai đoạn 2022-2025;
2. Các bộ ngành chưa đăng ký mục tiêu, nhiệm vụ cho giai đoạn 2026-2030.
3. Đến nay, các nhóm mục tiêu, chỉ tiêu mới đáp ứng được một phần, cụ thể:

(1) **Nhóm tiện ích giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, còn 04 chỉ tiêu chưa hoàn thành, gồm:** ⁽¹⁾ 100% các DVC trực tuyến theo quy định của pháp luật được thực hiện toàn trình (*đến nay mới có 25 DVC trực tuyến toàn trình*); ⁽²⁾ 50% dân số trưởng thành có sử dụng DVC trực tuyến; ⁽³⁾ 50% các thủ tục hành chính, giấy tờ của người dân liên quan đến dữ liệu được cắt giảm (*bộ, ngành 39,67%; địa phương 39,60%*); ⁽⁴⁾ Còn **12** dịch vụ công thiết yếu chưa tích hợp lên Cổng DVC quốc gia, thuộc trách nhiệm của các bộ: Nội vụ (*01 dịch vụ*), Giáo dục và Đào tạo (*03 dịch vụ*), Y tế (*04 dịch vụ*), Văn hóa Thể thao và Du lịch (*01 dịch vụ*), Nông nghiệp và Môi trường (*01 dịch vụ*), Tài chính (*01 dịch vụ*)....

(2) **Về nhóm tiện ích phát triển kinh tế - xã hội:** Các bộ, ngành, địa phương chưa hoàn thiện hành lang pháp lý, văn bản quy định về việc gắn mã định danh cá nhân, tổ chức vào các giấy tờ, hồ sơ liên quan để đảm bảo tính duy nhất và giá trị pháp lý trong các hoạt động giao dịch của người dân, doanh nghiệp.

(3) **Về nhóm tiện ích phát triển công dân số:** Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50% chưa hoàn thành (theo báo cáo của Bộ KHCN mới đạt 33%).

(4) **Về nhóm kết nối chia sẻ, tạo lập dữ liệu:** Còn 03 chỉ tiêu chưa hoàn thành thuộc trách nhiệm của Bộ Tư pháp (*kết nối chia sẻ dữ liệu giữa CSDL quốc gia về dân cư với CSDL quốc gia về xử lý vi phạm hành chính*); Bộ Giáo dục và Đào tạo (*kết nối chia sẻ dữ liệu giữa CSDL quốc gia về dân cư với CSDL về giáo dục nghề nghiệp*); Bộ Nội vụ (*kết nối chia sẻ dữ liệu giữa CSDL quốc gia về dân cư với CSDL về lao động việc làm*).

(5) **Về nhóm phục vụ công tác chỉ đạo điều hành:** Các dữ liệu khác chưa đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống” theo thời gian thực, dẫn tới mới chỉ phân tích được các chỉ số chỉ đạo điều hành từ CSDL quốc gia về dân cư và CSDL bảo hiểm. Ngay cả với 02 bộ dữ liệu này, các bộ, ngành cũng chưa nhận thức được tầm quan trọng và giá trị mang lại cho công tác chỉ đạo, điều hành.

4. Đối với các nhiệm vụ chậm tiến độ: Còn 37 nhiệm vụ chậm tiến độ thuộc trách nhiệm của 11 bộ, ngành: *Y tế (03 nhiệm vụ), Tài chính (02 nhiệm vụ), Nông nghiệp và Môi trường (03 nhiệm vụ), Nội vụ (03 nhiệm vụ), Khoa học và Công nghệ (15 nhiệm vụ), Giáo dục và Đào tạo (06 nhiệm vụ), Ngoại giao, Xây dựng, Tư pháp, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Thanh tra Chính phủ mỗi đơn vị chậm 01 nhiệm vụ.* Trong 37 nhiệm vụ chậm tiến độ có 11 nhiệm vụ chưa được báo cáo lộ trình khắc phục và thời gian hoàn thành trên phần mềm Đề án 06.

Từ những tồn tại nêu trên, Tổ trưởng Tổ công tác gửi tới các đồng chí 07 Phụ lục đánh giá chi tiết² và đề nghị các đồng chí khẩn trương chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Nhiệm vụ chung

(1) **Về nhận thức,** các cơ quan chủ quản cần khẩn trương quán triệt về nhận thức, xác định rõ nội hàm cơ sở dữ liệu (*dữ liệu chủ, dữ liệu gốc, thẩm quyền đối với dữ liệu, khả năng liên thông, kế thừa*); từ đó xây dựng được Chiến lược dữ liệu và từ điển dữ liệu dùng chung.

Đối với 12 cơ sở dữ liệu quốc gia, trọng yếu tại Kế hoạch 02 và 105 cơ sở dữ liệu theo Nghị quyết 71 được giao hoàn thành trong năm 2025 nhưng các bộ, ngành khẳng định chỉ hoàn thành được 04/12 và 54/105 cơ sở dữ liệu, cần có báo cáo giải trình gửi Ban Chỉ đạo Trung ương, Chính phủ, xây dựng kế hoạch chi tiết và lộ trình cụ thể. Hoàn thành báo cáo trong ngày 25/9/2025.

(2) **Về pháp lý,** các đơn vị chủ động xây dựng, ban hành các văn bản theo thẩm quyền, có hướng dẫn chi tiết về trách nhiệm tạo lập, cập nhật, khai thác, kết nối, chia sẻ dữ liệu, đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, đồng bộ về Trung tâm Dữ liệu quốc gia. Ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban

² Gồm: (1) Đánh giá tiến độ xây dựng các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành; (2) Rà soát đánh giá các thủ tục hành chính phục vụ cắt giảm; (3) Kinh phí triển khai; (4) Đánh giá hiện trạng hạ tầng IOC của 34 địa phương; (5) đánh giá an ninh an toàn các hệ thống công nghệ thông tin của các bộ, ngành. (6) 37 nhiệm vụ chậm tiến độ và 201 nhiệm vụ phải thực hiện trong những tháng cuối năm 2025 thuộc trách nhiệm 15 bộ ngành. (7) Nội dung kiến nghị đề xuất của 24 địa phương thuộc trách nhiệm của 15 bộ ngành được đính kèm trong mã Qrcode.

hành các quy định gắn mã định danh cá nhân, tổ chức với tất cả các giấy tờ có liên quan đến cá nhân, tổ chức để bảo đảm tính duy nhất, giá trị pháp lý.

(3) Về dữ liệu và thủ tục hành chính

- Về dữ liệu, các cơ quan chủ quản cần lưu ý đảm bảo các CSDL được tạo lập từ quy trình nghiệp vụ, dữ liệu sau khi số hoá được gắn vào các quy trình điện tử, tái sử dụng để phục vụ chỉ đạo điều hành và giải quyết TTHC.

+ Đối với 32 CSDL đã xây dựng, sử dụng có khả năng kết nối ngoài ngành: chuẩn hoá dữ liệu, nâng cấp hệ thống, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, kết nối về Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

+ Đối với 29 CSDL đã xây dựng, chỉ sử dụng nội ngành: tái cấu trúc dữ liệu, nâng cấp hệ thống để có thể kết nối, chia sẻ với các CSDL khác trong hệ thống chính trị.

+ Đối với 55 CSDL (đang xây dựng và chưa xây dựng), cần xây dựng kế hoạch, lịch trình cụ thể, đăng ký kinh phí và triển khai đúng tiến độ.

- Về thủ tục hành chính, đề nghị các bộ, ngành, địa phương tái cấu trúc quy trình, phối hợp với Bộ Công an rà soát, đánh giá, cắt giảm thành phần hồ sơ đối với giấy tờ đã được tích hợp trên VNeID và dữ liệu đang khai thác từ các bộ, ngành; số hoá kết quả giải quyết TTHC và hiển thị trên VNeID; nghiên cứu đề xuất triển khai mô hình hệ thống giải quyết TTHC tập trung tại cấp bộ, phân quyền cho địa phương sử dụng, giảm tình trạng địa phương hoá TTHC.

(4) Về hạ tầng CNTT: thiết kế và xây dựng hạ tầng theo kiến trúc tổng thể, tập trung, thống nhất. Triển khai các nền tảng, phần mềm dùng chung xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương. Ban hành quy chuẩn và thực hiện trang bị, bổ sung các thiết bị đầu cuối (phần cứng, phần mềm, an ninh bảo mật).

Khẩn trương đánh giá, xây dựng lộ trình triển khai, nâng cấp, hợp nhất các trung tâm điều hành thông minh (IOC), đảm bảo khả năng kết nối, tích hợp toàn diện với nhiều nguồn dữ liệu, phục vụ xuyên suốt các yêu cầu chỉ đạo, điều hành giữa Trung ương và địa phương.

(5) Về an ninh bảo mật

- Thống nhất nhận thức về yêu cầu cấp bách và trách nhiệm thực hiện các giải pháp, quy định, quy trình bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu trong thực hiện các dự án đầu tư và tác vụ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị. Ban hành và thực hiện nghiêm các quy chế, quy trình bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số. Bộ Công an đã cung cấp các tài liệu, giáo trình tập huấn đảm bảo an ninh an toàn thông tin, bảo mật thiết bị đầu cuối, đề nghị các bộ, ngành, địa phương tổ chức tập huấn trên nền tảng **Bình dân học vụ số, phần đầu cắt giảm 80%** chi phí so với hình thức đào tạo truyền thống.

- Phối hợp với Bộ Công an rà soát tất cả các hệ thống công nghệ thông tin triển khai chuyển đổi số quốc gia, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu bộ, ngành; khẩn trương đầu tư bổ sung các giải pháp bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin (ưu tiên sử dụng sản phẩm, giải pháp bảo vệ an ninh mạng nội địa đạt chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy thay thế triệt để các sản phẩm từ nước ngoài và

không đạt tiêu chuẩn); phối hợp với Bộ Công an (C06) triển khai giải pháp kiểm soát thiết bị đầu cuối, giải pháp xác thực người dùng truy cập vào hệ thống.

- Các bộ, ngành, địa phương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý sai phạm của cán bộ trong việc tra cứu dữ liệu dân cư sai mục đích.

(6) Về tài chính, các đơn vị khẩn trương rà soát nhu cầu, xây dựng danh mục đầu tư, khái toán kinh phí để triển khai các nền tảng dùng chung, CSDL và đăng ký vốn. Hoàn thành theo lộ trình tại Thông báo số 44-TB-TGV của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

(7) Về các nhiệm vụ phải thực hiện trong năm 2025

- Các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng ngành **ký xác nhận các nhiệm vụ** chậm tiến độ, các nhiệm vụ phải hoàn thành trong năm 2025 theo phụ lục, gửi về Thư ký Tổ công tác **trước ngày 25/9/2025**.

Chỉ đạo bộ phận chức năng nghiên cứu Phụ lục 104 kiến nghị, đề xuất của 24 địa phương (*thuộc trách nhiệm của 15 Bộ, ngành, cơ quan*), gửi về Thư ký Tổ công tác **trước ngày 25/9/2025** để tổng hợp, hướng dẫn các địa phương.

- Để phục vụ việc sơ kết giai đoạn 2022-2025, ban hành Chương trình triển khai giai đoạn 2026-2030 của Đề án 06: ⁽¹⁾ **Bộ Khoa học Công nghệ** gửi báo cáo sơ kết 03 năm về Thư ký Tổ công tác **trong ngày 25/9/2025**; ⁽²⁾ Các bộ, ngành đăng ký mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp triển khai Đề án 06 giai đoạn 2025-2030 (*gửi về Thư ký Tổ công tác trước ngày 25/9/2025*); ⁽³⁾ **Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ** phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an trong quá trình đề xuất Thủ tướng Chính phủ về thời gian sơ kết và đề xuất khen thưởng.

2. Nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ, ngành

(1) Bộ Khoa học và Công nghệ: Có trách nhiệm hướng dẫn các bộ, ngành thực hiện xây dựng các nền tảng dùng chung; xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn các bộ, cơ quan, địa phương về các hạng mục đầu tư cho Chuyển đổi số. **Hoàn thành trước 25/9/2025**.

Hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông di động thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin số thuê bao di động để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và khóa các thuê bao di động chưa định danh chính chủ (**Hoàn thành trong tháng 9/2025**). Đồng thời, yêu cầu xác thực sinh trắc học đối với tài khoản thuê bao di động mới từ tháng 9/2025. **Đến 31/12/2025** thực hiện khóa các tài khoản thuê bao chưa thực hiện xác thực sinh trắc học. **Đến 31/3/2026**, người dân có thể chủ động lựa chọn một số thuê bao di động để đăng ký làm số thuê bao chính để nhận thông báo từ các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp theo Luật Căn cước.

(2) Bộ Tư pháp: Xây dựng ngay lộ trình chi tiết đối với CSDL Xử lý vi phạm hành chính, báo cáo Tổ Công tác **trong tháng 9/2025**. Phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an triển khai cấp giấy khai sinh người Việt Nam tại nước ngoài theo phương thức trực tuyến (hoàn thành trước ngày 01/12/2025).

(3) Bộ Nội vụ: Phối hợp với Bộ Công an xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch của Ban Chỉ đạo 515 về thu nhận mẫu sinh phẩm ADN thân nhân và hài cốt liệt sỹ chưa xác định danh tính. **Hoàn thành trong tháng 09/2025**.

(4) Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành hướng dẫn tạm thời để các địa phương và các trường số hoá toàn bộ dữ liệu bằng cấp, chứng chỉ của năm học 2024-2025, **hoàn thành trước ngày 01/10/2025**. Ban hành quy định và số hoá dữ liệu bằng cấp, chứng chỉ, **hoàn thành trước ngày 15/12/2025**. Đề xuất giải pháp sử dụng mã định danh công dân để định danh bằng cấp, bằng điểm, học bạ, **hoàn thành trước ngày 15/12/2025**.

(5) Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp, đôn đốc các địa phương bám sát lộ trình Kế hoạch triển khai chiến dịch 90 ngày đêm làm giàu, làm sạch CSDL quốc gia về đất đai; kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu thuế; hoàn thành số hoá, làm sạch dữ liệu đất ở, nhà ở để đưa vào sử dụng trong năm 2025.

(6) Bộ Y tế: Đánh giá và đề xuất giải pháp, chính sách hợp tác đầu tư công tư để nhân rộng trên toàn quốc đối với Hệ thống điều phối dữ liệu ngành y tế bảo đảm theo đúng quy định, **hoàn thành trong tháng 9/2025**. Ban hành văn bản hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các bệnh viện, cơ sở y tế tư nhân kết nối, chia sẻ dữ liệu lên Hệ thống điều phối dữ liệu ngành y tế, **hoàn thành trong tháng 9/2025**.

(7) Bộ Tài chính: Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương khẩn trương rà soát nhu cầu, xây dựng danh mục đầu tư, khái toán kinh phí để triển khai các nền tảng dùng chung, CSDL và đăng ký vốn. **Hoàn thành trong tháng 9/2025**.

(8) Bộ Xây dựng: Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường thống nhất tạo lập dữ liệu ban đầu đối với dữ liệu về nhà ở, **hoàn thành trong tháng 9/2025**. Xây dựng lộ trình chi tiết triển khai có hiệu quả việc thu phí không dừng tại bến xe, bãi đỗ trong đô thị, đánh giá hiệu quả để cải thiện quản lý giao thông theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết số 71/NQ-CP, báo cáo tiến độ triển khai về Tổ công tác (qua Cơ quan Thường trực (C06, Bộ Công an)) **trước ngày 25/9/2025**.

(9) Thanh tra Chính phủ: Phấn đấu đến 25/11/2025 hoàn thiện phần mềm và triển khai được phần thông tin kiểm soát tài sản, thu nhập; đến 15/12/2025 hoàn thiện phần mềm và triển khai được phần xác minh, kết nối, chia sẻ được với dữ liệu đất đai, dữ liệu tài khoản ngân hàng.

(10) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Chỉ đạo các ngân hàng triển khai giải pháp để người dân tạo lập tài khoản an sinh xã hội, phấn đấu trong năm 2025, 100% người dân Việt Nam, mỗi người có một tài khoản an sinh xã hội. Thực hiện rà soát tài khoản ngân hàng của người dân trên VNeID để làm sạch phục vụ chi trả an sinh xã hội, đảm bảo tính minh bạch, tránh lừa đảo.

(11) Toà án nhân dân tối cao: Ban hành hướng dẫn tạm thời quy định thống nhất biểu mẫu các bản án, quyết định của Toà án, trong đó đảm bảo đầy đủ các trường thông tin nhân thân, căn cước/số định danh cá nhân, tổ chức, hoàn thành trong tháng 9/2025 để thực hiện từ ngày 01/10/2025. Chỉ đạo thực hiện số hoá bản án, quyết định của Toà án để khai thác, sử dụng, hoàn thành trước ngày 15/12/2025.

(12) Văn phòng Chính phủ: Chủ trì hướng dẫn chuẩn hoá danh mục kết quả giải quyết và thành phần hồ sơ của các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cập nhật công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, bảo đảm thống nhất, đồng bộ; đôn đốc các bộ, ngành, địa phương khắc phục tình trạng địa phương hóa các thủ tục hành chính, **hoàn thành trong 10/2025**.

3. Đồng chí Chủ tịch UBND các địa phương chỉ đạo:

- Các sở, ngành và xã, phường thực hiện nghiêm Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và các nghị định liên quan về định danh, không yêu cầu chứng thực trái quy định. **Không được yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp bản sao có chứng thực đối với các thủ tục pháp luật chỉ yêu cầu nộp bản sao.**

- Rà soát, tái cấu trúc quy trình nội bộ, quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu thông suốt để tái sử dụng dữ liệu không yêu cầu nộp thành phần hồ sơ giấy khi thực hiện 25 TTHC đã được cung cấp toàn trình, cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu. Hoàn thành trước ngày 28/9/2025.

- Đối với kết quả giải quyết TTHC phát sinh mới từ 01/9/2025, đề nghị số hoá, lưu trữ, tích hợp lên VNeID để phục vụ tái sử dụng, đơn giản hoá TTHC theo đúng Chỉ thị số 24 của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/9/2025. Đến 01/10/2025, trường hợp các bộ, ngành, địa phương không thực hiện, Bộ Công an sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét trách nhiệm người đứng đầu.

- Các sở, ngành liên quan phối hợp cùng Nhóm công tác Số 3 và các doanh nghiệp đồng hành để hoàn thành quá trình khảo sát tại địa phương, phục vụ việc đăng ký ngân sách và giải ngân kịp thời các nhiệm vụ trong năm 2025 của Nghị quyết 214/NQ-CP. **Hoàn thành trước ngày 25/9/2025.**

- Khẩn trương triển khai mô hình thu phí không dừng tại bến xe, bãi đỗ trong đô thị theo quy định của Nghị định 119/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ; đảm bảo triển khai 100% tại các bãi đỗ xe trên địa bàn trong tháng 12/2025. Lồng ghép kết quả triển khai vào báo cáo kết quả triển khai Đề án 06 hàng tháng gửi Cơ quan Thường trực (C06, Bộ Công an).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ủy ban giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng chính sách xã hội;
- Ngân hàng phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Công an;
- Văn phòng Bộ Công an;
- Lưu: VT, C06(TTDLDC).

TM. TỔ CÔNG TÁC
TỔ TRƯỞNG



BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN
Đại tướng Lương Tam Quang

MÃ QR CODE ĐỂ QUÉT CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN
Về thúc đẩy triển khai các nhiệm vụ
Nghị quyết 214/NQ-CP và Đề án 06 trong thời gian tới
(Kèm theo công văn số 4257/TCT ngày 21/9/2025 của Tổ công tác)



(QRCode đính kèm tài liệu)